



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HĐTS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
1	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	01/09/1994	QHQT.001	6.5	5.25	11.75	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật, Trường Đại học Ngoại thương	
2	Lê Đặng Duy Anh	Nam	28/09/2003	QHQT.002	Không dự thi				
3	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01/04/2002	QHQT.003	8	7.63	15.63	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
4	Hoàng Phương Anh	Nữ	26/10/1994	QHQT.004	7.5	8.25	15.75	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (07/10/2025), Đại học Bách khoa Hà Nội	



STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
5	Nguyễn Thị Hiền Anh	Nữ	12/09/2003	QHQT.005	4	7.75	11.75	Cử nhân ngành Quốc tế học, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
6	Phạm Đức Anh	Nam	18/01/2002	QHQT.006	8	7.38	15.38	Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế, Đại học Quốc tế Tokyo, Nhật Bản - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
7	Đặng Phan Anh	Nam	21/11/2003	QHQT.007	6.5	8	14.50	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, cấp ngày 06/12/2024	
8	Đỗ Phi Anh	Nam	16/03/2003	QHQT.009	7	7.63	14.63	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, cấp ngày 13/10/2025	
9	Nguyễn Thị Châu Anh	Nữ	25/09/2003	QHQT.010	7	8.13	15.13	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, cấp ngày 18/10/2024	
10	Ngô Gia Bách	Nam	15/06/2003	QHQT.011	7	7.5	14.50	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, cấp ngày 03/10/2025	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
11	Nguyễn Hoàng Khánh Chi	Nữ	28/08/2002	QHQT.012	5	5.5	10.50	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	
12	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	17/10/2000	QHQT.013	8	6.6	14.60	Quan hệ quốc tế và Khoa học chính trị, chương trình liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Victoria, Wellington và Học viện Ngoại giao - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
13	Trần Ngọc Diệp	Nữ	06/01/2003	QHQT.014	Không dự thi				
14	Đỗ Thị Vân Dung	Nữ	25/11/2002	QHQT.015	8	8.13	16.13	Cử nhân ngành Quốc tế học, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
15	Nguyễn Chí Dũng	Nam	24/07/2004	QHQT.016	8	6.75	14.75	Cử nhân ngành Quốc tế học, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
16	Vũ Ngọc Dũng	Nam	22/09/2002	QHQT.017	8	7.75	15.75	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, cấp ngày 30/05/2024	
17	Hoàng Đức Đại Dương	Nam	02/11/2003	QHQT.018	6	7.38	13.38	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, cấp ngày 29/06/2025	
18	Nguyễn Phạm Vân Giang	Nữ	22/11/2003	QHQT.019	7	6.75	13.75	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 460, Reading 370, cấp ngày 23/03/2025; Speaking 150, Writing 140, cấp ngày 16/04/2025)	
19	Trần Khánh Hà	Nữ	11/04/1999	QHQT.021	3	8	11.00	Cử nhân Ngôn ngữ Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
20	Phạm Thị Ngân Hạnh	Nữ	02/06/2003	QHQT.023	7.5	7	14.50	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 5, cấp ngày 15/03/2025	
21	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	22/09/2003	QHQT.027	Không dự thi				
22	Lương Phương Hồng	Nữ	24/10/2003	QHQT.028	Không dự thi				
23	Trần Phúc Huy	Nam	12/08/2000	QHQT.029	2	6.38	8.38	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và khởi nghiệp, Trường Đại học Sunderland, Vương quốc Anh - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
24	Lý Thị Ngọc Huyền	Nữ	07/11/2001	QHQT.030	7	7	14.00	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Hà Nội	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
25	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	08/12/2000	QHQT.031	5	5.25	10.25	Cử nhân ngành Khoa học quản lý, liên kết đào tạo giữa Keuka College, Hoa Kỳ và Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
26	Trần Đức Khánh	Nam	13/12/1984	QHQT.033	7.5	5.25	12.75	Cử nhân ngành Tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ Quân sự	
27	Bùi Thị Liên	Nữ	22/09/1999	QHQT.035	Không dự thi				
28	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	26/07/2003	QHQT.036	4.00	4.50	8.50	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (18/04/2025), Học viện Báo chí và tuyên truyền	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
29	Nguyễn Nhật Linh	Nữ	01/03/2003	QHQT.037	4.00	5.00	9.00	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (12/09/2025), Trường Đại học Hà Nội	
30	Phạm Nguyễn Khánh Linh	Nữ	17/09/2002	QHQT.038	7.25	6.50	13.75	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp, Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
31	Vũ Thùy Linh	Nữ	01/11/2004	QHQT.039	7.00	7.75	14.75	Tốt nghiệp Học viện Ngoại giao 2025	
32	Hoàng Văn Long	Nam	30/11/2003	QHQT.040	5.00	6.00	11.00	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (18/04/2025), Học viện Báo chí và tuyên truyền	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
33	Bùi Thăng Long	Nam	06/10/2003	QHQT.041	5.00	7.50	12.50	Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế và Nghiên cứu Truyền thông, liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Victoria, Wellington và Học viện Ngoại giao - Chương trình học bằng ngôn ngữ Tiếng Anh	
34	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	14/11/2002	QHQT.044	7.50	5.25	12.75	Cử nhân Quốc tế học, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
35	Nguyễn Quang Minh	Nam	08/10/2003	QHQT.045	6.00	7.25	13.25	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, cấp ngày 02/08/2025	
36	Nguyễn Hà My	Nữ	01/05/2003	QHQT.047	5.00	6.75	11.75	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B2, cấp ngày 21/11/2025	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
37	Hoàng Kim Ngân	Nữ	22/12/2003	QHQT.049	6.00	8.00	14.00	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh quốc tế, liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Staffordshire và Trường Đại học Anh quốc tại Việt Nam - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
38	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Nữ	27/12/2000	QHQT.050	8.00	7.75	15.75	Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
39	Vũ Thị Mai Ngân	Nữ	20/05/2002	QHQT.051	7.50	7.50	15.00	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, cấp ngày 05/12/2023	
40	Đặng Thị Thảo Ngân	Nữ	21/10/2003	QHQT.052	6.00	7.25	13.25	Cử nhân Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Trường Đại học Hà Nội	
41	Hoàng Châu Ngọc Nhi	Nữ	01/11/2003	QHQT.055	6.50	7.00	13.50	Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Học viện Ngoại giao	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
42	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	14/01/2002	QHQT.056	6.00	0.00	6.00	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5, cấp ngày 28/03/2024	
43	Nguyễn Thị Minh Nhung	Nữ	19/11/2003	QHQT.057	6.00	6.75	12.75	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 380, Reading 350, cấp ngày 18/03/2025; Speaking 140, Writing 150, cấp ngày 21/05/2025)	
44	Trần Thu Tâm	Nữ	11/11/2003	QHQT.061	8.00	7.75	15.75	Cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường Đại học Hà Nội	
45	Lê Thị Thảo	Nữ	27/10/2003	QHQT.062	5.50	6.75	12.25	Tốt nghiệp Học viện Ngoại giao 2025	
46	Nguyễn Đình Hào Thiên	Nam	01/05/2003	QHQT.064	8.00	6.75	14.75	Quốc tế học, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
47	Vũ Tiến Thọ	Nam	21/06/2003	QHQT.065	2.00	5.00	7.00	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (18/02/2025), Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
48	Trần Thị Minh Thư	Nữ	04/08/2002	QHQT.066	2.00	4.75	6.75	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B2, cấp ngày 05/12/2025	
49	Lê Thu Thủy	Nữ	12/04/1993	QHQT.068	4.00	7.50	11.50	Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội	
50	Phạm Minh Trang	Nữ	12/01/2003	QHQT.069	6.50	7.00	13.50	Cử nhân ngành Truyền thông (Truyền thông chuyên nghiệp), Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT), Australia - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
51	Nguyễn Hoàng Minh Trang	Nữ	10/11/2003	QHQT.070	6.50	7.00	13.50	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, cấp ngày 19/05/2025	
52	Đào Cẩm Huyền Trang	Nữ	30/09/1999	QHQT.071	6.50	7.75	14.25	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (27/05/2025), Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
53	Lê Nguyễn Hà Trang	Nữ	28/11/2003	QHQT.072	6.00	4.25	10.25	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (19/03/2025), Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
54	Mai Xuân Trường	Nam	10/06/2003	QHQT.073	6.50	6.75	13.25	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, cấp ngày 15/12/2024	
55	Vũ Mạnh Tuấn	Nam	02/08/1999	QHQT.074	5.50	7.75	13.25	Cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc, Đại học Mở Hà Nội	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
56	Bùi Thị Hồng Tươi	Nữ	16/12/1999	QHQT.075	6.00	7.00	13.00	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B1, cấp ngày 03/12/2025	
57	Phan Vĩnh Tường	Nam	06/10/2000	QHQT.076	6.00	7.50	13.50	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 3, cấp ngày 19/10/2024	
58	Phạm Khánh Vân	Nữ	12/01/2003	QHQT.078	7.00	7.25	14.25	Cử nhân ngành Truyền thông (Truyền thông chuyên nghiệp), Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT), Australia - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
59	Nguyễn Mạnh Vũ	Nam	28/06/1992	QHQT.079	6.00	8.00	14.00	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (30/06/2025), Trường Đại học Hà Nội	

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
60	Nguyễn Lê Hải Yến	Nữ	30/03/2001	QHQT.080	7.00	5.25	12.25	Cử nhân ngành Chính trị học, Kinh tế học, Trường Đại học Villanova, Hoa Kỳ - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	

Ghi chú:

- (1) Thí sinh phải đạt tối thiểu 5.0 điểm (theo thang điểm 10) ở từng môn Triết học và Chính trị quốc tế để đủ điều kiện tham gia xét trúng tuyển.
(2) Tổng điểm dự thi của các thí sinh đáp ứng điều kiện (1) sẽ được sử dụng để xét trúng tuyển theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến khi Học viện tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng



PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh

GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HĐQT



TS. Nguyễn Hùng Sơn

